

PHỤ LỤC
DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TĂNG TRƯỞNG
XANH TỈNH BÌNH ĐỊNH, GIAI ĐOẠN 2023 – 2030

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên ¹)	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính ²	Ghi chú
			Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp		
1	Góp phần hoàn thiện đồng bộ khung cơ chế, chính sách, pháp luật về tăng trưởng xanh (Cao).					
1.1	Triển khai Quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn xây dựng kế hoạch hành động tăng trưởng xanh các cấp và tích hợp tăng trưởng xanh vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các cấp, các ngành.	2023 - 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương.	I, II	Triển khai mục 1.1.2 - Quyết định số 882/QĐ-TTg
1.2	Triển khai đồng bộ, phù hợp với Lộ trình hiện thực hóa tăng trưởng xanh gắn với phát triển kinh tế - xã hội với tầm nhìn dài hạn nhằm đạt được mục tiêu PTR0 vào năm 2050. (theo hướng dẫn của Bộ chuyên ngành)	2023	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương; cộng đồng doanh nghiệp, các viện, trường.		
1.3	Ban hành Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Bình Định, giai đoạn 2023 – 2030	2023	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương.		
1.4	- Cập nhật tích hợp tăng trưởng xanh hướng đến mục tiêu PTR0 vào năm 2050 cho giai đoạn mới (theo hướng dẫn của Bộ chuyên ngành)	2023	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành; Cộng đồng doanh nghiệp; các viện, trường, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ.		
1.5	- Phối hợp đánh giá, cung cấp cơ sở dữ liệu cấp địa phương về tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất, thiệt hại để đánh giá tác động kinh tế - xã hội của biến đổi khí hậu, thiên tai, đa thiên tai cấp quốc gia. - Tích hợp kết quả đánh giá vào chiến lược, quy	2023 - 2030	Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và MT, Nông nghiệp và	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương.	I, II; IV	Triển khai mục 1.1.3- Quyết định số 882/QĐ-TTg

	hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các kế hoạch liên quan đến huy động nguồn lực và phân bổ ngân sách cấp địa phương theo thẩm quyền		PTNT; Cục Thống kê			
1.6	Triển khai Quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về hệ thống giám sát và đánh giá tăng trưởng xanh cấp quốc gia, chế độ báo cáo thực hiện Chiến lược, Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh.	Sau khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt Quyết định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Mặt trận Tổ quốc VN và các tổ chức thành viên; Cộng đồng doanh nghiệp; các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ	I, II	Triển khai mục 1.2.2 - Quyết định số 882/QĐ-TTg
1.7	Theo dõi thực hiện chế độ giám sát, đánh giá, báo cáo theo cấp địa phương	Thực hiện theo chế độ giám sát, báo cáo	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương.		
1.8	- Triển khai các Văn bản pháp luật quy định về hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) - Phối hợp thực hiện kiểm kê và xây dựng cơ sở dữ liệu về kiểm kê khí nhà kính và phát thải các chất ô nhiễm không khí các cấp theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật, đảm bảo tích hợp đồng bộ với hệ thống giám sát và đánh giá tăng trưởng xanh cấp quốc gia (Cao).	2023 - 2030	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương; Cộng đồng doanh nghiệp; các viện, trường, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ.	I, II	Triển khai mục 1.2.3 - Quyết định số 882/QĐ-TTg
1.9	- Phối hợp xây dựng các cơ sở dữ liệu: (1) tăng trưởng xanh quốc gia; (2) nền địa lý quốc gia; (3) tăng trưởng xanh các ngành, địa phương trên cơ sở sử dụng dữ liệu nền địa lý quốc gia và tích hợp đồng bộ với cơ sở dữ liệu cấp quốc gia. - Phối hợp xây dựng, số hóa Hệ thống quản lý, giám sát đánh giá tăng trưởng xanh cấp tỉnh (theo hướng dẫn của Bộ chuyên ngành).	2023 - 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương; Cộng đồng doanh nghiệp; các viện, trường, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ.	I, II; IV	Triển khai mục 1.2.4 - Quyết định số 882/QĐ-TTg
2	Truyền thông, giáo dục và nâng cao nhận thức.					
2.1	Tích hợp truyền thông về vai trò, ý nghĩa tăng trưởng xanh; phổ biến những quy định, chính sách thúc đẩy tăng trưởng xanh và trách nhiệm của xã hội; khuyến khích những hành động thiết thực về	2022 - 2030	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa		I, II; IV	Triển khai mục 2.2.2 - Quyết định số 882/QĐ-

	lối sống, tiêu dùng xanh hài hòa với thiên nhiên, giảm sử dụng đồ nhựa dùng một lần, gắn với các giá trị văn hóa truyền thống, chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai trong các chương trình mục tiêu quốc gia cùng các kênh truyền thông		phương; Cộng đồng doanh nghiệp; các viện, trường, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ.			TTg
3	Phát triển nguồn nhân lực và việc làm xanh.					
3.1	Phát triển nguồn nhân lực và việc làm xanh thông qua việc tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản trị điều hành về tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số (Cao). <i>(do Bộ, ngành Trung ương tổ chức); bao gồm các đối tượng sau:</i> - Đội ngũ cán bộ quản trị công (tập trung vào cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ làm công tác hoạch định chính sách) - Cộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt về xanh hóa sản xuất và tiêu dùng. - Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.	2023 - 2030	Bộ, ngành Trung ương	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương.	I, II, III, IV	Triển khai mục 3.2.4 - Quyết định số 882/QĐ-TTg.
3.2	Dự báo nhu cầu nguồn nhân lực và khả năng cung ứng nguồn nhân lực đáp ứng tăng trưởng xanh dựa trên định hướng của các ngành. Hình thành, phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động của tỉnh cho các ngành nghề xanh, kết nối cung và cầu trong thị trường lao động việc làm xanh theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	2023 – 2030	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Liên đoàn lao động tỉnh	I, II	
3.3	Tăng cường công tác giáo dục nghề nghiệp trong các ngành nghề xanh:					
3.3.1	- Tích hợp tăng trưởng xanh vào chương trình, hoạt động giáo dục nghề nghiệp các cấp trình độ; đào tạo nguồn nhân lực trong các ngành nghề xanh; triển khai xây dựng mô hình cơ sở giáo dục nghề	2023 – 2030	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành có liên quan; Liên đoàn lao động tỉnh; UBND các huyện, thị xã,	I, II, III, IV	

	nghiệp an toàn, xanh, sạch, thông minh theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.			thành phố; các Cơ sở giáo dục nghề nghiệp		
3.3.2	- Đầu tư cơ sở vật chất cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo các tiêu chuẩn, tiêu chí xanh theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.	2023 - 2030	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	I, II, III, IV	
3.3.3	- Tăng cường hợp tác quốc tế và hợp tác với khối tư nhân để đào tạo các ngành nghề xanh theo quy chuẩn đào tạo của các tổ chức quốc tế và nhu cầu lao động trong các ngành nghề xanh của thành phần kinh tế tư nhân theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.	2023 - 2030	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành có liên quan; Liên đoàn lao động tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các Cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các doanh nghiệp	I, II, III, IV	
3.4	Thúc đẩy thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các nhóm yếu thế (gồm Phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người nghèo, người già) và các nhóm bị ảnh hưởng tiêu cực đến việc làm trong quá chuyển đổi nền kinh tế.					
3.4.1	- Thúc đẩy thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các nhóm yếu thế và các nhóm bị ảnh hưởng tiêu cực đến việc làm trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	2023 – 2025	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành có liên quan; Liên đoàn lao động tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố		
3.4.2	- Thúc đẩy thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các nhóm yếu thế và các nhóm bị ảnh hưởng tiêu cực đến việc làm trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế trong chương trình, kế hoạch của các ngành, các lĩnh vực theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	2023 – 2025	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành có liên quan; Liên đoàn lao động tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố		
4	Huy động nguồn lực tài chính và thúc đẩy đầu tư cho tăng trưởng xanh.					
4.1	Cân đối bố trí nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước, chú trọng nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư công và chi thường xuyên cho các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ về tăng trưởng xanh.	2023 - 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương.	I, II	Triển khai mục 4.2.2 - Quyết định số 882/QĐ-TTg.
4.2	-Tăng cường huy động nguồn tài chính từ các định chế tài chính, các quỹ và các nhà đầu tư tư nhân	2023 - 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa		

	quốc tế, ưu tiên sử dụng các nguồn vốn vay ưu đãi, hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), hỗ trợ kỹ thuật của các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ cho tăng trưởng xanh. - Khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hình thức hợp tác giữa nhà nước và tư nhân, giữa các nhà đầu tư trong và ngoài nước trong các dự án xanh và các dự án áp dụng công nghệ, giải pháp chuyển đổi xanh.		Tài chính	phương.		
5	Khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo					
5.1	Đẩy mạnh tăng trưởng xanh dựa trên ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông tin vào hệ thống quản lý, quản trị, vận hành các nhiệm vụ, hoạt động tăng trưởng xanh. Hoàn thiện, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp địa phương (Cao) <i>(Theo Chương trình, đề án, hoạt động về ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông tin vào công tác quản trị, điều hành các hoạt động tăng trưởng xanh)</i>	2023 - 2030	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương.	I, II, III, IV	Triển khai mục 5.2.2 - Quyết định số 882/QĐ-TTg.
6	Hội nhập và hợp tác quốc tế					
6.1	Hội nhập và hợp tác quốc tế: Tích cực tham gia, tổ chức hoạt động chia sẻ, học tập kinh nghiệm, nâng cao năng lực, phối hợp nghiên cứu chuyển giao công nghệ thực hiện tăng trưởng xanh; nghiên cứu, đề xuất với các đối tác phát triển về các dự án hỗ trợ kỹ thuật cho tăng trưởng xanh; hỗ trợ kết nối các địa phương và doanh nghiệp Việt Nam với các nhà đầu tư nước ngoài; chủ động phối hợp và tham gia cùng cộng đồng quốc tế giải quyết các vấn đề toàn cầu và khu vực cũng như các thách thức đối với thực hiện tăng trưởng xanh.	2023-2030	Các sở, ngành theo thẩm quyền	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương; Cộng đồng doanh nghiệp; các viện, trường, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ.	I, II	Triển khai mục 6.2 - Quyết định số 882/QĐ-TTg.
7	Giao thông vận tải và dịch vụ logistics					
7.1	- Triển khai các dự án hoàn thiện kết cấu hạ tầng	2023-2030	Sở Giao thông	Các sở, ban, ngành có liên	I, II, III, IV	Triển khai

	logistics theo hướng xanh đảm bảo tính đồng bộ, kết nối, tương hỗ từ các ngành. - Phối hợp vận hành Sàn giao dịch logistics. - Triển khai các quy định về tiêu chí phân loại, phân hạng, tiêu chuẩn quốc gia về trung tâm logistics xanh.		vận tải; Sở Công Thương	quan; UBND các địa phương.		mục 10.5.3 - Quyết định số 882/QĐ-TTg.
7.2	- Đảm bảo quy hoạch, cơ cấu sản xuất địa phương gắn với phát triển hạ tầng và dịch vụ logistics.	2023-2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương.		
7.3	- Phối hợp triển khai các quy định về tiêu chí phân loại, phân hạng, tiêu chuẩn quốc gia về trung tâm logistics xanh; Phát triển dịch vụ logistics gắn với thương mại điện tử.	2023 - 2030	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giao thông vận tải; Các Hiệp hội thương mại điện tử; Các doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng và dịch vụ logistics		
8	Tăng cường quản lý và phát triển các mô hình quản lý tổng hợp chất thải rắn theo hướng kinh tế tuần hoàn, tăng cường các giải pháp ngăn ngừa và phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn.					
8.1	- Triển khai thực hiện chính sách ưu đãi, các chương trình, dự án quản lý chất thải, tập trung vào giảm thiểu, thu gom, phân loại tại nguồn, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương với sự tham gia của các bên liên quan và người dân (Cao) - Phối hợp thực hiện các chương trình, dự án tăng cường năng lực quy hoạch quản lý, xử lý chất thải rắn và tích hợp các nội dung quản lý tổng hợp chất thải rắn trong quy hoạch (<i>các chương trình/dự án liên quan đến địa phương</i>) - Thí điểm, nhân rộng các chương trình, dự án giảm thiểu, thu gom, phân loại tại nguồn, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn sinh hoạt. - Ban hành các quy định và triển khai các chính sách ưu đãi hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải	2023-2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các địa phương	Các sở, ban, ngành có liên quan; Tỉnh đoàn, Hội Nông dân, Hội Liên Hiệp Phụ Nữ VN tỉnh, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội khác có liên quan; cộng đồng doanh nghiệp.	I, II, III	Triển khai mục 13.1.3 - Quyết định số 882/QĐ-TTg.

	tại địa phương theo quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương.					
9	Tăng cường công tác quản lý chất lượng không khí; nâng cao năng lực, mở rộng mạng lưới, hệ thống quan trắc, giám sát chất lượng không khí xung quanh, hệ thống quan trắc khí thải tự động.					
9.1	- Triển khai Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030. (Cao). - Tham gia cơ chế điều phối triển khai cấp quốc gia; xây dựng cơ chế phối hợp, biện pháp liên vùng, liên tỉnh.	2023 - 2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương.	I, II	Triển khai mục 14.1.1 - Quyết định số 882/QĐ-TTg.
10	Đẩy mạnh mua sắm công xanh, đổi mới hoạt động dịch vụ công theo hướng xanh.					
10.1	Triển khai đề án/dự án/chương trình nghiên cứu, hoạt động triển khai mua sắm công xanh, dịch vụ công xanh (<i>các đề án/dự án/chương trình liên quan đến địa phương</i>)	2024-2030	Các sở, ban, ngành có liên quan.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND các địa phương.	I, II, III	Triển khai mục 16.2.2 - Quyết định số 882/QĐ-TTg.
10.2	Tham gia các chương trình nâng cao năng lực, đào tạo, tập huấn về mua sắm công xanh, dịch vụ công xanh.		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương; Cộng đồng doanh nghiệp; các viện, trường, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ.		
10.3	Triển khai mua sắm xanh, dịch vụ công xanh đối với các cơ quan nhà nước.		Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.		

¹ Chú thích “(Cao)” đối với nhiệm vụ, hoạt động cụ thể có mức độ ưu tiên cao.

² Nhiệm vụ, hoạt động được đánh giá có thể tiếp cận các nguồn lực sau (có thể chọn nhiều hơn 1 nguồn lực): I. Ngân sách nhà nước; II. Hỗ trợ quốc tế; III. Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân; IV. Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác.